TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:07/2024/DS-ST
Ngày: 26 – 4 – 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Ngọc.
2. Bà Trần Thị An.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Th – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Diễm N, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ 6, ấp V, xã Thuận Yên, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị Lệ Th, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp N, xã Thuận Yên, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

Bị đơn:

- Ông Phạm Hiền Đ, sinh năm 1981. Địa chỉ: đường L, Khu phố B, phường Bình San, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

- Bà Triệu Ngọc T, sinh năm 1983. Địa chỉ: đường L, Khu phố B, phường Bình San, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2023 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Diễm N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Diễm N là bà Đào Thị Lệ Th trình bày: Bà Lê Thị Diễm N có cho vợ chồng ông

Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T vay 02 khoản tiền như sau:

Khoản tiền thứ nhất vợ chồng ông Đ, bà T vay làm 03 lần, tổng cộng là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), cụ thể vào ngày 05/5/2022 là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), vào ngày 11/5/2022 là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và ngày 21/5/2022 là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Hai bên không có thỏa thuận kỳ hạn vay, khi nào bà N thu hồi vốn thì báo trước 03 tháng, lãi suất thỏa thuận 1,6%/tháng. Từ ngày vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) sau cùng là 21/5/2022 đến ngày 19/10/2023 là 16 tháng 27 ngày thì ông Đ, bà T phải trả tiền lãi cho bà là 40.560.000 đồng (bốn mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) nhưng ông Đ, bà T chỉ chuyển khoản trả được 18.700.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm nghìn đồng), còn nợ lại 21.860.000 đồng (hai mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Khoản tiền thứ hai vợ chồng ông Đ, bà T vay làm 03 lần, tổng cộng là 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng), cụ thể vào ngày 05/6/2022 là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), vào ngày 11/6/2022 là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và ngày 18/6/2022 là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Tổng cộng hai khoản tiền gốc là 215.000.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu đồng), tuy nhiên bà N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà T trả cho bà N số tiền vay vốn gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày 19/10/2023 là 21.860.000 đồng (hai mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) và tiền lãi từ ngày 20/10/2023 cho đến khi xét xử xong với mức lãi suất 1,6%/tháng. Ngoài ra tại phiên tòa bà Th trình bày bà N đồng ý tính lại lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2024, ngày 12/3/2024 và biên bản ghi nhận ý kiến ngày 11/01/2024, bị đơn ông Phạm Hiền Đ trình bày: Vợ chồng ông là Phạm Hiền Đ và Triệu Ngọc T có vay của bà Lê Thị Diễm N 03 lần tổng cộng số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), cụ thể: ngày 05/5/2022 là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), ngày 11/5/2022 là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và ngày 21/5/2022 là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), lãi suất 10%/tháng. Sau khi vay vợ chồng ông bà có đóng lãi nhưng đưa tiền mặt và không có ký nhận. Đối với số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) bà N khởi kiện vợ chồng ông nhưng bà N không có biên nhận hay chứng cứ gì chứng minh nên ông không đồng ý nhận nợ và không đồng ý thanh toán số tiền này cho bà N. Ông thừa nhận vợ chồng ông bà còn nợ bà Lê Thị Diễm N số tiền vay vốn gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và đồng ý trả số tiền này. Tuy nhiên do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), bắt đầu từ tháng 3 năm 2024 cho đến khi hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Triệu Ngọc T mặc dù đã được triệu tập

hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa tuân theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua các chứng cứ do các đương sự cung cấp, được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ đối với số tiền vay vốn gốc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền vay vốn gốc 150.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật sau khi khấu trừ tiền lãi đã nhận. Buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn bà Lê Thị Diễm N khởi kiện bị đơn ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T yêu cầu trả số tiền vay vốn gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật. Xét thấy bị đơn ông Đ, bà T cư trú tại khu phố B, phường Bình San, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định.

[2] Sự có mặt của các đương sự: Bị đơn ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án: Bà Lê Thị Diễm N có cho vợ chồng ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T vay 03 lần số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), cụ thể ngày 05/5/2022 là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), ngày 11/5/2022 là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và ngày 21/5/2022 là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Sau khi vay tiền ông Đ, bà T có trả lãi nhưng không đầy đủ và không thanh toán tiền gốc cho bà N, do đó phát sinh tranh chấp.

Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà Lê Thị Diễm N và ông Phạm Hiền Đ, bà

Triệu Ngọc T là sự thỏa thuận của các đương sự, các bên có xác lập hợp đồng vay tiền có chữ ký của ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T, phù hợp với quy định tại 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Sau khi vay tiền, ông Đ và bà Tiên không thực hiện thanh toán tiền lãi đầy đủ và cũng không thanh toán tiền gốc cho bà N. Bà N có nhiều lần yêu cầu ông Đ, bà T thanh toán nhưng đến nay ông Đ, bà T không thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án bà Triệu Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Phạm Hiền Đ thừa nhận vợ chồng ông có vay và còn nợ bà Lê Thị Diễm N số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T thanh toán cho bà Lê Thị Diễm N số tiền gốc 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn bà Lê Thị Diễm N trình bày cho bị đơn ông Phạm Hiền Đ, bà Triệu Ngọc T vay số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), trong hợp đồng không ghi thời hạn trả nợ và mức lãi suất cụ thể, chỉ ghi lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, do ông Đ và bà Tiên không trả tiền lãi đầy đủ nên bà N yêu cầu ông Đ, bà T thanh toán tiền gốc và lãi. Tính từ thời điểm vay tiền ngày 21/5/2022 đến ngày 19/10/2023 là 16 tháng 27 ngày, tiền lãi là 40.560.000 đồng (bốn mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Ông Đ, bà T có trả lãi cho bà N được 18.700.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm nghìn đồng), còn nợ lại 21.860.000 đồng (hai mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) và không thanh toán tiền gốc cho bà N. Bị đơn ông Phạm Hiền Đ trình bày vợ chồng ông có vay của bà Lê Thị Diễm N 03 lần số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), với mức lãi suất 10%/tháng. Xét thấy, tại các hợp đồng vay tiền ngày 05/5/2022, 11/5/2022 và 21/5/2022 không ghi nhận thời hạn thanh toán, sau đó bà N cũng đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà T trả nợ nhưng ông Đ, bà T không thanh toán nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn theo Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015. Ngoài ra, bà N và ông Đ không thống nhất được với nhau về mức lãi suất tại thời điểm cho vay, bà N cho rằng lãi suất là 1,6%/tháng, còn ông Đ cho rằng là 10%/tháng, quá trình tố tụng bà Tiên không trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời tại các hợp đồng vay tiền ngày 05/5/2022, 11/5/2022 và 21/5/2022 cũng không thể hiện lãi suất cho vay là bao nhiêu, chỉ ghi lãi suất thỏa thuận. Do đó, căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, xác định mức lãi suất là 10%/năm để tính tiền lãi trên số tiền gốc từ thời điểm vay, bà N thống nhất tính lãi từ ngày vay lần sau cùng là ngày 21/5/2022 đến thời điểm xét xử ngày 26/4/2024 để xác định thời gian ông Đ, bà T phải trả lãi là 23 tháng 05 ngày, thành tiền là 28.958.333 đồng (hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Bà N trình bày ông Đ, bà T đã thanh toán cho bà số tiền lãi là 18.700.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm nghìn đồng), nên ông Đ, bà T còn phải thanh toán cho bà N số tiền lãi là

10.258.333 đồng (mười triệu hai trăm năm mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Do đó, cần buộc ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T phải thanh toán cho bà Lê Thị Diễm N số tiền gốc và lãi tổng cộng là 160.258.333 đồng (một trăm sáu mươi triệu hai trăm năm mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Diễm N đối với số tiền lãi là 11.601.667 đồng (mười một triệu sáu trăm lẻ một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) do bà N rút yêu cầu.

Đối với khoản tiền vay 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) mà bà N yêu cầu ông Đ, bà T thanh toán nhưng bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2024 và biên bản ghi nhận ý kiến ngày 11/01/2024 ông Phạm Hiền Đ thừa nhận vợ chồng ông có vay số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) của bà N, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2024 ông Phạm Hiền Đ không thừa nhận có vay của bà N khoản nợ này. Tại phiên toà bà Thuỷ trình bày bà N rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Diễm N.

[4] Về án phí: Ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền phải thi hành theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218 Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Diễm N đối với bị đơn ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T. Buộc ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T phải thanh toán cho bà Lê Thị Diễm N số tiền 160.258.333 đồng (một trăm sáu mươi triệu hai trăm năm mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó tiền vốn gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 10.258.333 đồng (mười triệu hai trăm năm mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Diễm N đối với số tiền

vay vốn gốc 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 11.601.667 đồng (mười một triệu sáu trăm lẻ một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.012.916 đồng (tám triệu mười hai nghìn chín trăm mười sáu đồng).

Bà Lê Thị Diễm N nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001565 ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, nay bà N được nhận lại 5.921.500 đồng (năm triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm đồng).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị Diễm N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP.Hà Tiên;
- Chi cục THADS TP. Hà Tiên;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Phương